TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1678/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1162/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc: "Thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông **Lê Đình Q**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn M, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết S,** sinh năm: 1993; Địa chỉ: Căn hộ A Khối B, Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại lô BC, Đường A, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 05/5/2021 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S là hợp pháp.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

Hôn nhân giữa ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Thời gian đầu ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây giữa ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chia sẻ với nhau, vì vậy mà tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không đạt kết quả như mong muốn. Vì muốn ổn định cuộc sống nên ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S thống nhất yêu cầu Tòa án cho ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S có 01 con chung là trẻ Lê Đình Anh Q1 (giới tính: nam), sinh ngày 25/4/2022. Ông Q và bà Tuyết S thỏa thuận thống nhất giao con chung là trẻ Lê Đình Anh Q1 cho bà Tuyết S được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q và bà Tuyết S cùng thỏa thuận thống nhất ông Lê Đình Q cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 05/5/2021 chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật)

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Đình Anh Q1 (giới tính: nam), sinh ngày 25/4/2022 cho bà Nguyễn Thị Tuyết S được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Đình Q cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thực hiện hoặc dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết một trong hai bên đều có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S đã đóng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Lê Đình Q và bà Nguyễn Thị Tuyết S đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0072673 do Chi cục thi hành án thành phố T lập ngày 09/5/2025. Ông Q và bà S đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND. xã Phổ Cường, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Hiển